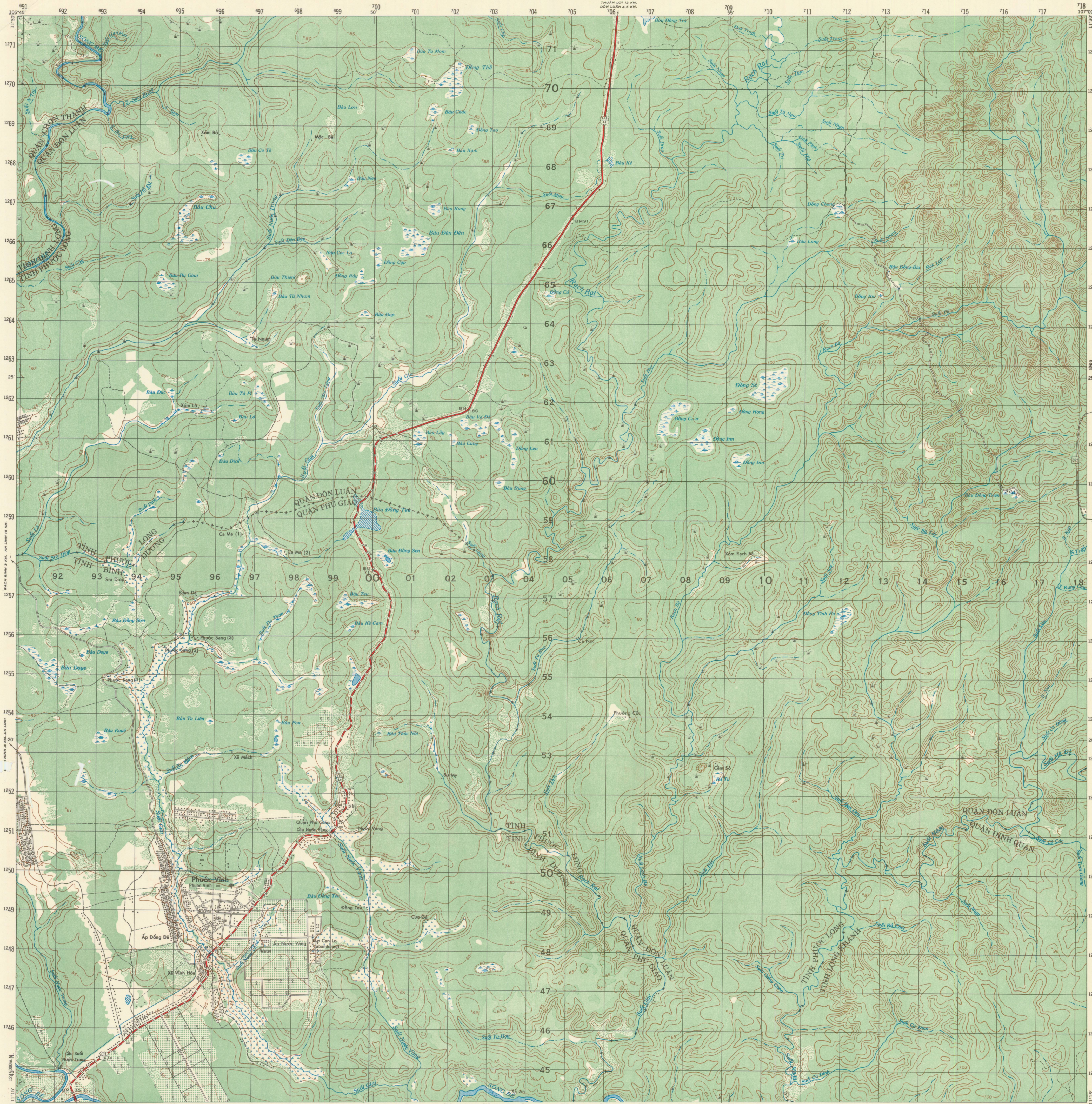
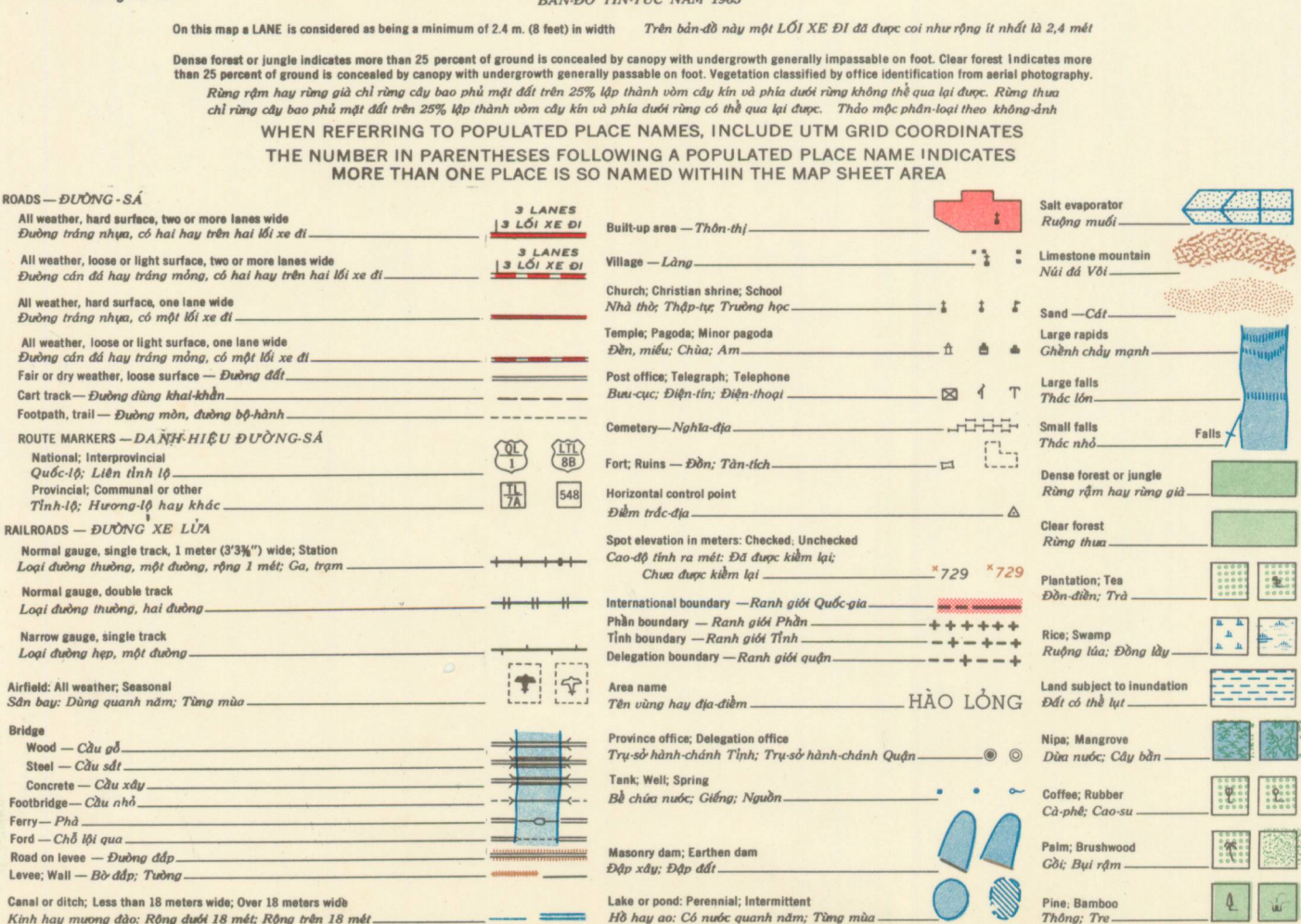




PHÂN CỤC ĐỊA-DU DALAT AN-HÀNH
PRINTED BY THE NATIONAL GEOGRAPHIC SERVICE VIETNAM
Ấn hành lần thứ Ba 12-68
3rd Printing 12-68

LEGEND - CHỮ-TỰ
MAP INFORMATION AS OF 1965
BẢN ĐỒ THÔNG TIN NĂM 1965



CONTOUR INTERVAL - 10 METERS
SUPPLEMENTARY CONTOURS - 5 METERS

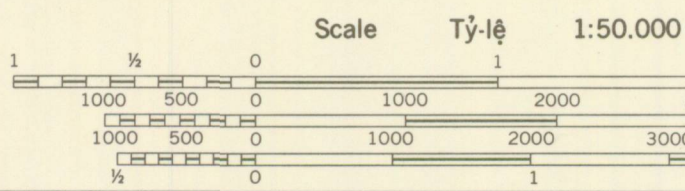
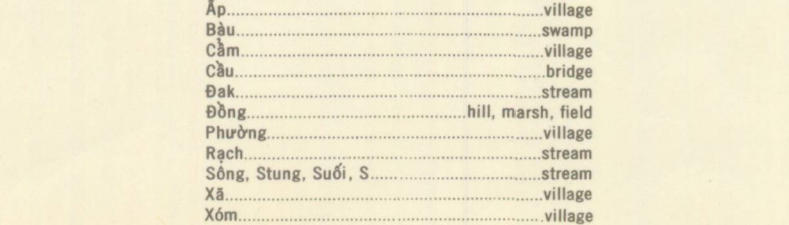
SPHEROID: EVEREST
PROJECTION: TRANSVERSE MERCATOR
VERTICAL DATUM: MEAN SEA LEVEL AT HÀ TIÊN
HORIZONTAL DATUM: INDIAN DATUM 1960

CREDITS
PREPARED BY: AMS (PV), U.S. ARMY 1966
NAMES DATA BY: NGS, VIETNAM
CONTROL BY: USAMFE, NGS, VIETNAM

XIN GỬI NHỮNG SỬA ĐỔI CỦA BẢN-ĐỒ NÀY
ĐẾN PHÂN-CỤC ĐỊA-DU, DALAT.
REFER CORRECTIONS TO THIS MAP TO COMMANDING
OFFICER, ARMY MAP SERVICE, WASHINGTON, D.C.

DELINEATION OF INTERNAL ADMINISTRATIVE BOUNDARIES IS APPROXIMATE
RANH GIỚI HÀNH-CHÁNH TRÊN BẢN-ĐỒ NÀY CHỈ PHẠC-HOẠ VỚI TÍNH-CÁCH ĐẠI-CƯƠNG

GLOSSARY - CỜ-TỰ



KHOẢNG CÁCH ĐỀU VÒNG CAO-ĐỘ: 10 MÉT
CÁCH VÒNG CAO-ĐỘ PHỤ-TÙNG: 5 MÉT

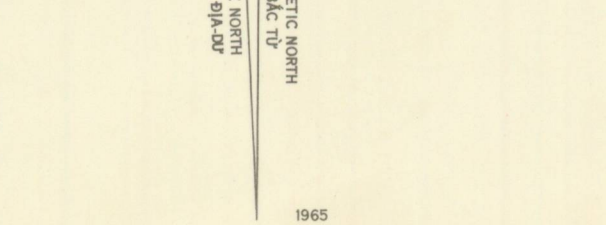
Ước lượng chiều dài đường đi: 1000 mét
Ước lượng chiều dài đường đi: 1000 mét
Ước lượng chiều dài đường đi: 1000 mét

Ước lượng chiều dài đường đi: 1000 mét
Ước lượng chiều dài đường đi: 1000 mét
Ước lượng chiều dài đường đi: 1000 mét

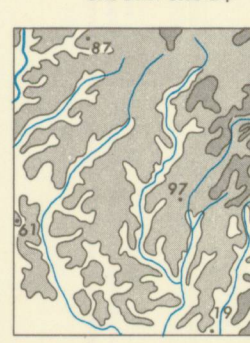
Ước lượng chiều dài đường đi: 1000 mét
Ước lượng chiều dài đường đi: 1000 mét
Ước lượng chiều dài đường đi: 1000 mét

Ước lượng chiều dài đường đi: 1000 mét
Ước lượng chiều dài đường đi: 1000 mét
Ước lượng chiều dài đường đi: 1000 mét

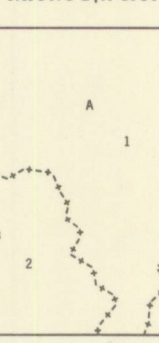
Ước lượng chiều dài đường đi: 1000 mét
Ước lượng chiều dài đường đi: 1000 mét
Ước lượng chiều dài đường đi: 1000 mét



ELEVATION GUIDE
CHỈ-DẪN CAO-ĐỘ



BOUNDARIES
NHỮNG ĐỊA-GIỚI



ADJOINING SHEETS
BẢNG RÁP BẢN-ĐỒ

